

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN V
TỈNH NAM ĐỊNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2024/HNGĐ-ST
Ngày 13-6-2024
Về việc ly hôn giữa anh Đỗ Vạn B
và chị Trần Thị D .

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN V, TỈNH NAM ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Hiến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Định.
2. Bà Phạm Thị Kim Lệ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thảo - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định tham gia phiên tòa: Ông Đỗ Mạnh Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện V xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 48/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 05 năm 2024 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2024 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Đỗ Vạn B ; sinh năm 1986.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Phú Vinh, xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định.

2. *Bị đơn:* Chị Trần Thị D ; sinh năm 1995.

Nơi ĐKKHKT và nơi ở: Thôn Phú Vinh, xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Tại phiên tòa: Vắng mặt anh B và chị D (Anh B có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; chị D được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*Tại đơn khởi kiện ngày 02-5-2024 và quá trình tham gia tố tụng tại Toà án, nguyên đơn là anh Đỗ Vạn B trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Trần Thị D tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16-01-2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định. Sau khi kết hôn vợ chồng anh sinh sống cùng với bố mẹ đẻ của anh ở thôn Phú Vinh, xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định. Vợ chồng chung sống hòa thuận

với nhau đến năm 2022 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn chủ yếu là do tính tình vợ chồng không hợp nhau, bất đồng quan điểm về các vấn đề trong cuộc sống. Đến cuối năm 2022, chị D bỏ đi và để hai con ở nhà cho anh và bố mẹ đẻ của anh nuôi dưỡng, chăm sóc; hơn nữa chị D đã thay đổi tình cảm, phát sinh tình cảm với người đàn ông khác, không muốn chung sống cùng với anh nữa. Vì vậy, anh và chị D đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2022 cho đến nay, mỗi người một nơi và không còn quan tâm, chăm sóc gì đến nhau. Nay anh xác định mâu thuẫn của vợ chồng anh đã trầm trọng, tình cảm, tình nghĩa vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định xem xét, giải quyết cho anh được ly hôn với chị Trần Thị D.

Về con chung: Anh và chị D có 02 con chung là các cháu Đỗ Phương L1, sinh ngày 11-3-2015 và Đỗ Phương L, sinh ngày 17-4-2017. Anh trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc cả hai con chung của vợ, chồng kể từ khi anh và chị D sống ly thân cho đến nay. Do đó, anh yêu cầu Tòa án giải quyết giao cả hai cháu L1 và L cho anh nuôi dưỡng, chăm sóc. Anh không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh. Hiện nay nghề nghiệp của anh là bán quần áo, thu nhập bình quân khoảng 8.000.000đồng đến 10.000.000đồng/tháng. Anh có nơi ở ổn định và có bố mẹ đẻ còn khỏe mạnh để phụ giúp anh nuôi dưỡng 02 cháu L1 và L.

Về tài sản chung, tài sản riêng, nợ chung, nợ riêng và những vấn đề khác có liên quan: Anh và chị D tự thỏa thuận giải quyết với nhau vì vậy anh không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

* Trong quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, mặc dù Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn là chị Trần Thị D đến Tòa án để làm việc và tham gia tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng chị D đều vắng mặt không có lý do và chị D cũng không có bất cứ ý kiến hay quan điểm gì của mình về việc giải quyết vụ án đồng thời không cung cấp chứng cứ, tài liệu gì cho Tòa án.

* Tại Biên bản lấy lời khai bà Trần Thị Dinh (Là mẹ đẻ của chị D) ngày 02-5-2024 thể hiện:

Về thời gian đăng ký kết hôn, nơi đăng ký kết hôn của vợ chồng anh Đỗ Văn B và chị Trần Thị D; về họ tên, ngày tháng năm sinh của con chung và người trực tiếp nuôi dưỡng con chung kể từ khi anh B và chị D sống ly thân với nhau đúng như anh B đã trình bày ở trên.

Về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn của vợ chồng anh B và chị D chủ yếu là do chị D tuổi còn trẻ, suy nghĩ bông bột nên chị D đã bỏ đi từ cuối năm 2022 và để hai con ở nhà cho anh B nuôi dưỡng, chăm sóc; chị D hiện nay đã phát sinh tình cảm với người khác. Chị D vẫn thường xuyên liên lạc với bà và mọi người trong gia đình qua mạng xã hội Zalo nhưng không ai biết địa chỉ cụ thể của chị D ở đâu. Do đó, bà không cung cấp cho Tòa án được. Nay anh B làm đơn xin ly hôn với chị D thì quan

điểm của bà là chị D và anh B đã sống ly thân với nhau từ tháng 12-2022 cho đến nay, hiện nay chị D đang chung sống với người khác nên gia đình bà cũng nhất trí để anh B ly hôn với chị D và không có ý kiến gì. Vì chị D đang ở xa, không thể đến Tòa án làm việc được nên bà xin nhận thay chị D các văn bản tố tụng của Tòa án và bà xin cam đoan sẽ giao lại tận tay ngay cho chị D, để chị D biết mà thực hiện quyền và nghĩa vụ của mình. Đồng thời, bà đề nghị Tòa án giải quyết vắng chị D và khi nào có quyết định ly hôn thì Tòa án gửi cho bà, bà sẽ giao lại cho chị D để chị D kết hôn với người khác.

* Tại Biên bản thu thập chứng cứ ngày 08-5-2024, Ủy ban nhân dân xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định cung cấp như sau:

Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Vạn B và chị Trần Thị D có đăng ký kết hôn tại UBND xã M T vào ngày 16-01-2014 và đều có đăng ký hộ khẩu thường trú ở thôn Phú Vinh, xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định.

Về con chung: Hiện nay cả hai cháu L1 và Ly đang sinh sống cùng với anh B và ông bà nội ở thôn Phú Vinh, xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định và đều đang học tại trường tiểu học xã M T.

Nghề nghiệp của anh Đỗ Vạn B là kinh doanh quần áo thời trang, có thu nhập và anh B đã có nhà riêng để ở, các cháu đã sinh sống cùng với bố và ông bà nội ổn định từ khi vợ chồng anh B và chị D sống ly thân cho đến nay. Do đó, địa phương đề nghị Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của vợ chồng anh B, chị D cũng như nguyện vọng của các cháu L và Ly để giải quyết theo quy định của pháp luật.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện V tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Thư ký Tòa án trong giai đoạn chuẩn bị xét xử và của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, cũng như việc chấp hành pháp luật của các đương sự.

- Về các yêu cầu khởi kiện của đương sự: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Chấp nhận toàn bộ các yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Vạn B; cụ thể.

+ Về quan hệ hôn nhân: Xử lý hôn giữa anh Đỗ Vạn B và chị Trần Thị D.

+ Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Phương L1 sinh ngày 11-3-2015 và cháu Đỗ Phương L, sinh ngày 17-4-2017 cho anh Đỗ Vạn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh B.

+ Về tài sản chung, tài sản riêng, công nợ chung và các vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không đặt ra xem xét, giải quyết.

+ Về án phí ly hôn: Buộc anh B phải nộp theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Xét thấy từ thời điểm thụ lý vụ án cho đến ngày xét xử, chị Trần Thị D là bị đơn trong vụ án có đăng ký hộ khẩu thường trú ở xã M T, huyện V, tỉnh Nam Định. Do đó, Tòa án nhân dân huyện V, tỉnh Nam Định thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa: Tòa án đã triệu tập hợp lệ chị Trần Thị D là bị đơn trong vụ án lần thứ hai, nhưng chị D vắng mặt không có lý do. Còn anh Đỗ Vạn B là nguyên đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vụ án vắng mặt của nguyên đơn và bị đơn theo quy định tại khoản 2 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Anh B và chị D kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại cơ quan có thẩm quyền nên là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống đã phát sinh mâu thuẫn, không còn hạnh phúc, anh B và chị D đã sống ly thân từ cuối năm 2022 cho đến nay. Xét điều kiện, vợ chồng anh chị đã mỗi người mỗi nơi, thực sự không còn quan tâm đến nhau; từ lâu đã không thực hiện nghĩa vụ vợ chồng phải thương yêu, chung thủy, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau, cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình là vi phạm nguyên tắc cơ bản của chế độ hôn nhân và gia đình quy định tại khoản 3 Điều 2 và các khoản 1, 2 Điều 19 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định về “Tình nghĩa vợ chồng”. Điều đó chứng tỏ mục đích của hôn nhân không đạt được, khả năng đoàn tụ không còn nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của anh Đỗ Vạn B xử cho anh được ly hôn với chị D là phù hợp với quy định của pháp luật.

[3]. Về nuôi con chung: Xét thấy cả hai cháu Đỗ Phương L1 và cháu Đỗ Phương L đều có nguyện vọng được ở với bố. Hơn nữa, kể từ khi anh B và chị D sống ly thân với nhau thì hai cháu L và Ly ở cùng với anh B và được anh B chăm sóc, nuôi dưỡng ổn định. Vì vậy cần chấp nhận yêu cầu của anh B, giao cho anh B được quyền nuôi dưỡng hai con chung là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật hôn nhân và gia đình.

Về cấp dưỡng nuôi con: Anh B không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4]. Về tài sản, công nợ và những vấn đề khác có liên quan: Các đương sự không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Vạn B phải nộp theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51; Điều 56; Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án:

1. Xử lý hôn giữa anh Đỗ Vạn B và chị Trần Thị D .

2. Về nuôi con chung: Giao cháu Đỗ Phương L1, sinh ngày 11-3-2015 và cháu Đỗ Phương L, sinh ngày 17-4-2017 cho anh Đỗ Vạn B trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con chung cùng anh Đỗ Vạn B

Chị Trần Thị D có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở, nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con của anh Đỗ Vạn B .

3. Về án phí ly hôn sơ thẩm: Anh Đỗ Vạn B phải nộp 300.000đồng. Nhưng được đối trừ vào số tiền tạm ứng án phí anh B đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000844 ngày 02-5-2024 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện V, tỉnh Nam Định. Như vậy, anh B đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Đỗ Vạn B và chị Trần Thị D được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì các đương sự có quyền tự nguyện thi hành án, thỏa thuận thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Nam Định;
- VKSND tỉnh Nam Định;
- VKSND huyện V;
- Chi cục THADS huyện V;
- UBND xã M T;
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Văn Hiến

